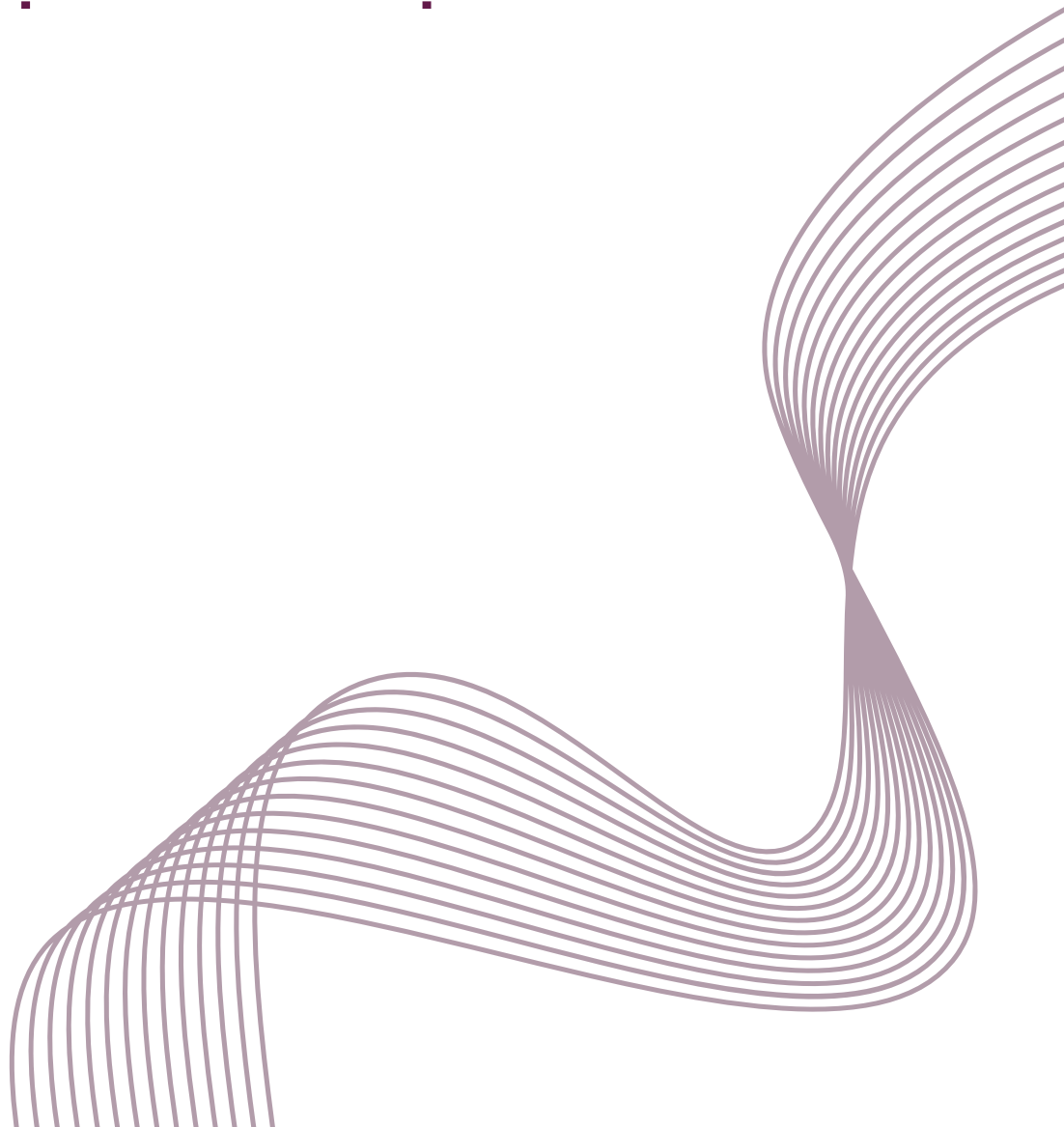




TÓM TẮT CHÍNH SÁCH

**TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC TĂNG THUẾ VAT  
LÊN TỔNG THỂ NỀN KINH TẾ VÀ PHÚC LỢI  
HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM**





## **TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC TĂNG THUẾ VAT LÊN TỔNG THỂ NỀN KINH TẾ VÀ PHÚC LỢI HỘ GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

*Tăng thuế không làm tăng sản lượng của nền kinh tế và làm giảm phúc lợi của tất cả các hộ gia đình. Thậm chí, nếu phần thu tăng thêm lại được Chính phủ đưa vào chi thường xuyên mà không chi đầu tư phát triển thì sẽ làm cho sản lượng của nền kinh tế giảm. Trong trường hợp Chính phủ vẫn cần phải tăng thuế để bù đắp cho thâm hụt và giảm nợ công, trước hết Chính phủ nên ưu tiên cải cách lại các loại thuế theo chiều hướng tăng hiệu quả, đi liền với rà soát các khoản chi.*

*Cập nhật ngày 24/11/2022<sup>1</sup>*

### **TÓM TẮT CHÍNH SÁCH**

Thuế là một sự hoàn trả gián tiếp của người dân cho nhà nước để nhà nước cung cấp các hàng hóa – dịch vụ công. Vì hai đặc tính cơ bản của hàng hóa – dịch vụ công (tính không cạnh tranh và/hoặc không loại trừ trong tiêu dùng) nên hầu hết nhà kinh tế học đều thừa nhận việc chính phủ phải đứng ra để cung cấp các hàng hóa dịch vụ này. Tuy nhiên, thuế nên thu ở mức nào, tương đương với nó là quy mô nhà nước nên phình to đến mức nào, luôn là một chủ đề gây tranh cãi cho các nhà kinh tế học và các nhà làm chính sách. Cuộc tranh luận của các nhà kinh tế học và các nhà làm chính sách không chỉ dừng lại ở thuế suất mà còn ở việc thiết kế hệ thống thuế. Trong lịch sử của Việt Nam và các nước đều ghi chép lại có hai cách đánh thuế, một là đánh thuế dựa trên thu nhập và/hoặc tài sản của cá nhân hoặc hộ gia đình (thuế thu nhập), hai là đánh thuế dựa trên tiêu dùng của cá nhân hoặc hộ gia đình (thuế tiêu dùng). Đối với các nước đang và kém phát triển, thuế tiêu dùng được ưa chuộng vì có ưu điểm là tính hiệu quả về mặt hành thu cao hơn thuế thu nhập. Nguyên nhân là do việc trả thuế tiêu dùng sẽ đi kèm với hành động mua hàng hóa – dịch vụ còn thuế thu nhập, người nộp thuế có nhiều cách làm sai lệch thu nhập của mình để trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế.

---

<sup>1</sup> Tóm tắt chính sách này được Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) cập nhật từ bản Tóm tắt chính sách của nghiên cứu cùng tên được công bố vào ngày 28/6/2018.

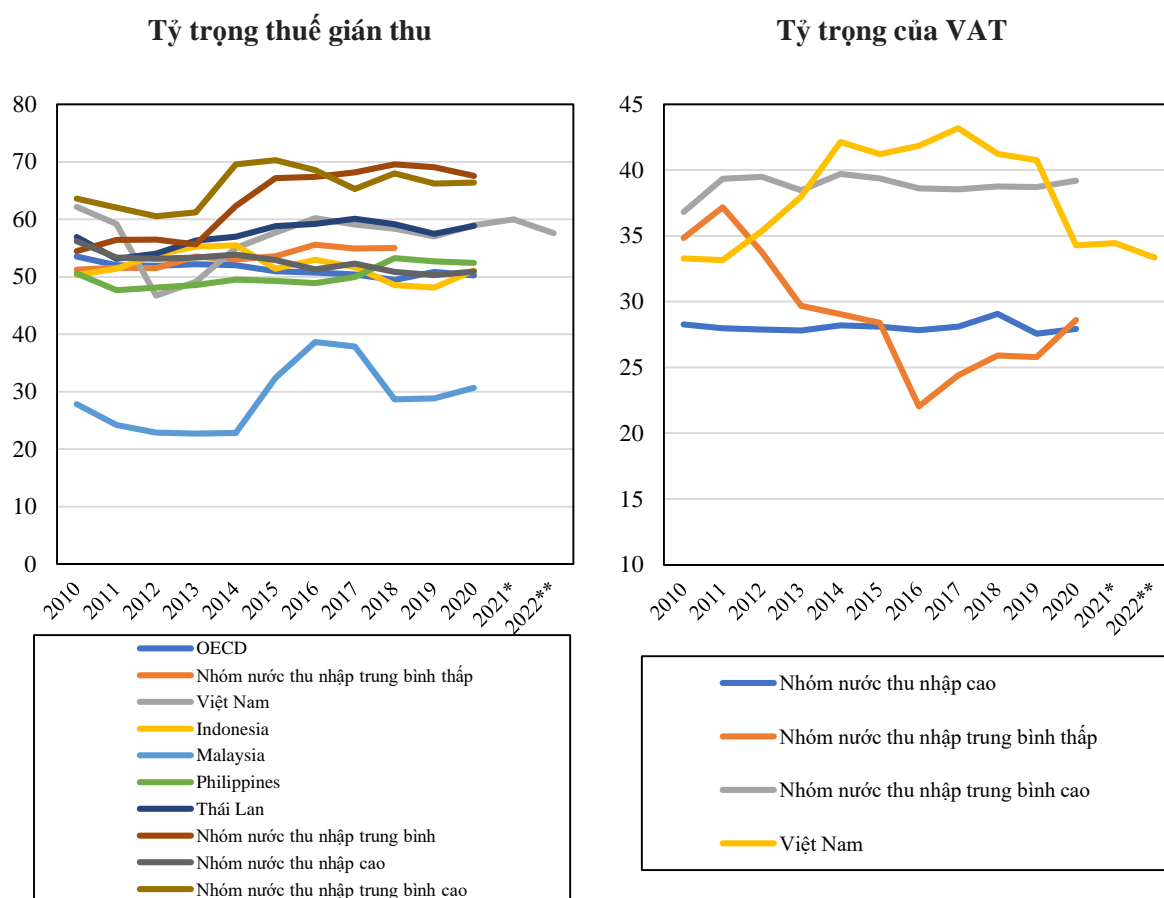
Tuy nhiên, một điểm rất đáng chú ý của thuế tiêu dùng, đó là tính lũy thoái của loại thuế này. Vì thuế suất của thuế tiêu dùng là như nhau đối với cùng một loại hàng hóa – dịch vụ mà không căn cứ vào thu nhập của từng người mua. Do đó, người có thu nhập thấp hơn sẽ thường phải trả tỷ lệ thuế tiêu dùng tính trên thu nhập của họ cao hơn so với nhóm người có thu nhập cao. Vì theo nhiều nghiên cứu, người nghèo thường bỏ nhiều tiền trong tổng thu nhập của họ ra để tiêu dùng hơn người giàu. Người giàu thường có các khoản tiết kiệm lớn hơn người nghèo. Cho nên, có thể số tiền thuế mà người giàu nộp cao hơn người nghèo, nhưng tỷ lệ thuế trên tổng thu nhập của người nghèo lại cao hơn người giàu.

## **VAI TRÒ CỦA THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI VIỆT NAM**

Trong những năm gần đây, ngân sách của Việt Nam đã dựa rất nhiều vào các loại thuế tiêu dùng. Các loại thuế tiêu dùng của Việt Nam gồm có VAT, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường và thuế tiêu thụ đặc biệt. Năm 2020, tỷ trọng của số thu thuế tiêu dùng trên tổng số thu thuế tại Việt Nam vào khoảng 60%. Trong khoảng năm năm trở lại đây, kết quả tính toán từ số liệu của IMF cho thấy tỷ trọng thuế gián thu trong tổng số thu thuế của Việt Nam tương đương với Thái Lan và chỉ thấp hơn so với mức trung bình của các nước thu nhập trung bình cao.

VAT đang là loại thuế đóng góp nhiều nhất vào tổng số thu thuế của Việt Nam. Năm 2010, thuế TNDN chiếm gần 32% tổng số thu thuế. Đến năm 2019, con số này chỉ còn 30,5%. Ngược lại, năm 2010, tỷ trọng của VAT trong tổng số thu thuế là 33,3%, đến năm 2019, con số này đã tăng lên hơn 1,2 lần và ở mức trên 40,7%. Tỷ trọng VAT của Việt Nam đã tăng lên đáng kể từ năm 2011. Con số này năm 2014 đã bỏ xa con số trung bình của các nước phát triển, nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và trung bình cao. Thuế TNCN của Việt Nam có tỷ trọng trong tổng số thu thuế khá khiêm tốn khoảng 10%. Trong khi, mức trung bình của các nước ASEAN 5 là 14% trong năm 2016. Tính hết năm 2019, tỷ trọng thuế TNCN của Việt Nam chiếm 12,3%, của ASEAN 5 là gần 15,2%. Các loại thuế gián thu khác (thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), tỷ trọng của tổng số thu các loại thuế này trên tổng số thu thuế ở Việt Nam năm 2019 là 16,3%. Thuế tài sản của Việt Nam có tỷ trọng rất khiêm tốn (hơn 0,2% năm 2019). Kể từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và các chính sách ưu đãi liên quan đến thuế VAT, tỷ trọng của VAT trong tổng thu thuế đã giảm tương đối mạnh, từ hơn 40% năm 2019 xuống chỉ còn hơn 34% vào năm 2020.

## Tỷ trọng thuế gián thu và VAT trong tổng thu thuế, 2010-2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của World Bank, IMF (2022)

Ghi chú: \*,\*\* Số liệu của Việt Nam năm 2021 là số ước tính và năm 2022 là số dự toán của Bộ Tài chính.

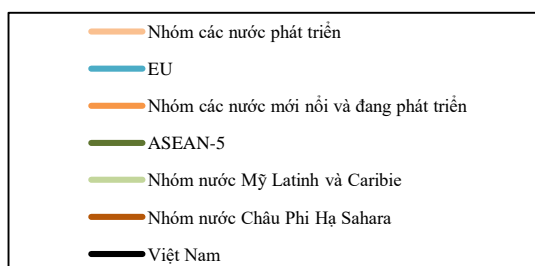
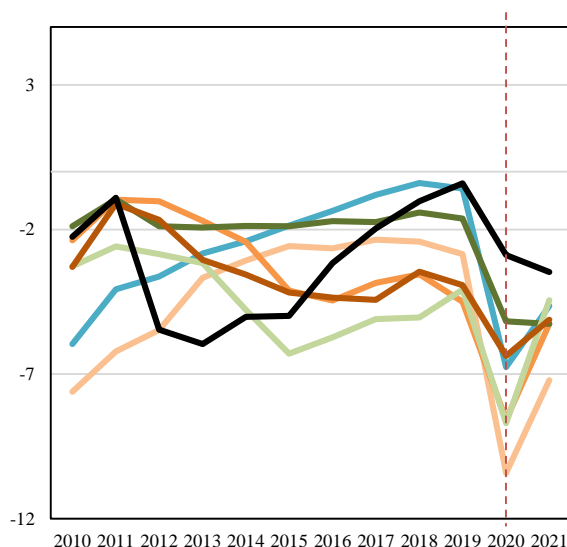
Sự dịch chuyển về cơ cấu các loại thuế của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019 là do hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, Việt Nam đã gia nhập nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương làm số thu của thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu sụt giảm rất nhanh và mạnh. Thứ hai, thuế suất của thuế TNDN đã giảm khá mạnh trong giai đoạn này (từ mức 25% xuống mức 20%) để tạo môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh với các nước trong khu vực (Thu viện pháp luật, 2022).

Những sự thay đổi này không chỉ làm thay đổi cơ cấu các loại thuế mà còn làm tỷ lệ thu ngân sách trên GDP của Việt Nam đã giảm đáng kể từ năm 2011. Tuy nhiên, chi ngân sách trên GDP vẫn có xu hướng gia tăng nhẹ từ năm 2012. Do vậy, ngân sách của Việt Nam đã phải đối mặt với thâm hụt nặng nề và tình trạng nợ công tăng mạnh. Theo IMF (2018), tỷ lệ thâm hụt ngân sách của Việt Nam luôn duy trì trong khoảng 5% - 6% GDP từ năm 2012 đến năm 2015. Con số này cao hơn mức trung bình của các nước ASEAN 5, các nước mới nổi và đang phát triển trong giai đoạn 2012-2015. Tính đến năm 2021, tỷ lệ giảm xuống, chỉ

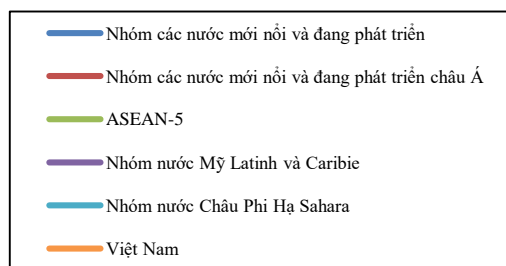
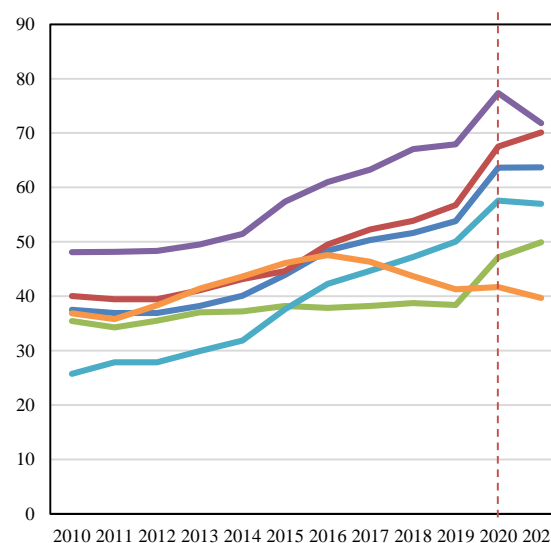
còn 3,46% GDP. Tương ứng với nó, tỷ trọng nợ công trên GDP của Việt Nam đã cao hơn mức trung bình của các nhóm nước kể trên từ năm 2013 (Hình 2). Tuy nhiên tỷ trọng nợ công trên GDP có xu hướng giảm trong giai đoạn 2017-2021, từ 61,4% (2017) xuống còn 43,1% (2021) (Bộ tài chính, 2022). Tỷ lệ thâm ngân sách và nợ công trên GDP đều tăng mạnh trong năm 2020 do ảnh hưởng từ đại dịch COVID 19.

### Thặng dư ngân sách và nợ công, 2010 – 2021 (%GDP)

**Thặng dư ngân sách**



**Nợ công**



*Nguồn:* Tính toán từ số liệu của IMF (2022).

Nguồn thu ngân sách đã giảm từ năm 2011 nhưng các nhiệm vụ chia ngân sách không giảm. Ngân sách nhà nước thâm hụt triền miên và nợ công tăng cao đến mức đáng báo động. Bộ Tài chính đã tìm cách để giải bài toán về ngân sách bằng cách tăng thuế thay vì thực hiện mạnh mẽ các biện pháp cắt giảm chi ngân sách. Năm 2011, Bộ Tài chính thực hiện thu thuế Bảo vệ môi trường (một loại thuế mới), đến năm 2016, số thu của loại thuế này chiếm hơn 5% tổng số thu thuế. Con số này gần bằng tỷ trọng của thuế TNCN và cao hơn đáng kể tỷ trọng của tổng số thu các loại thuế tài sản. Nhưng các số về thâm hụt và nợ công năm 2012 đến 2016 cho thấy, thuế Bảo vệ môi trường vẫn chưa thể giải quyết được bài toán về sức ép ngân sách. Trong nỗ lực để gỡ khó cho ngân sách nhà nước, năm 2017, Bộ Tài chính tiếp tục

đưa ra đề xuất tăng thuế suất VAT. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID 19 từ năm 2020 tới nay, đề xuất tăng thuế VAT đã không được thực hiện. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người tiêu dùng, năm 2021, Quốc hội Việt Nam cùng với Chính phủ đã ban hành một số chính sách liên quan đến thuế VAT, cụ thể như sau:

### Một số chính sách ưu đãi về thuế VAT tại Việt Nam, 2021-2022

Văn bản	Ngày ban hành	Chính sách
Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15	19/10/2021	Giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng.
Nghị định 92/2021/NĐ-CP	27/10/2021	Hướng dẫn thi hành Nghị quyết 116.
Nghị quyết số 43/2022/QH15	11/01/2022	Giảm 2 điểm phần trăm thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%).
Nghị định 15/2022/NĐ-CP	28/01/2022	Hướng dẫn thi hành Nghị quyết 43.
Nghị định 41/2022/NĐ-CP	20/6/2022	Sửa đổi Nghị định 15 và một số Nghị định khác.

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Trong quá trình thực hiện Nghị định 15/NĐ-CP, các doanh nghiệp đã gặp nhiều rắc rối liên quan đến việc tách, lập hóa đơn cũng như rà soát danh mục hàng hóa, dịch vụ được hưởng ưu đãi. Ngày 20/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một loạt các Nghị định khác trong đó có Nghị định 15 để gỡ vướng cho doanh nghiệp. Theo ước tính của Bộ Tài chính thì với việc giảm thuế suất thuế VAT từ 10% xuống 8% sẽ làm giảm thu ngân sách nhà nước năm 2022 khoảng 49.400 tỷ đồng.<sup>2</sup>

### TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC TĂNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

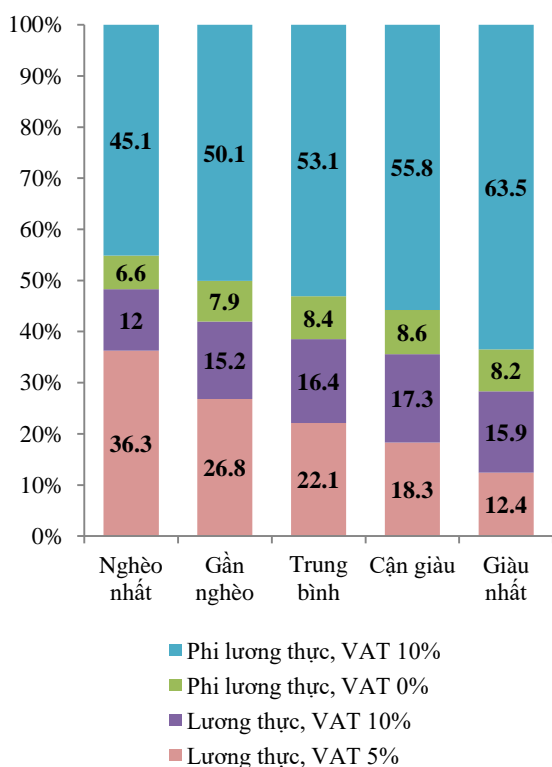
Nhiều nghiên cứu đánh giá rất cao thiết kế về thuế VAT của Việt Nam và cho rằng thiết kế này sẽ làm giảm đáng kể tác động của việc tăng thuế VAT đến phúc lợi của người nghèo. Các loại hàng hóa – dịch vụ cơ bản sẽ chịu thuế 5% hoặc không thuộc diện chịu thuế, trong khi đó mức thuế phổ thông là 10%. Các nghiên cứu cho rằng phần lớn thu nhập của nhóm người có thu nhập thấp dành để mua những hàng hóa – dịch vụ cơ bản. Ngược lại, người có thu nhập cao lại thường hay mua những loại hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất 10%. Theo phương án thứ nhất trong đề xuất tăng thuế VAT của Bộ Tài chính năm 2017 (Kịch bản 1), thuế suất VAT của nhóm này tăng từ 5% lên 6%, trong khi các mặt hàng khác sẽ tăng từ

<sup>2</sup> <https://vneconomy.vn/ngan-sach-hut-khoang-49-400-ty-khi-giam-thue-gia-tri-gia-tang-ve-8-tu-mung-1tet.htm>

10% lên 12%. Do đó, phúc lợi của nhóm người có thu nhập cao bị ảnh hưởng rất mạnh, trong khi phúc lợi của nhóm người có thu nhập thấp không bị ảnh hưởng nhiều theo phương án thứ nhất này.

### Tăng thuế suất VAT tác động đến phúc lợi của hộ gia đình

Tỷ trọng chi tiêu cho các nhóm mặt hàng



Tác động của thay đổi thuế VAT

	PA1	PA2
% thay đổi chi tiêu bình quân	-0.89	-0.32
Thay đổi tỷ lệ nghèo (điểm %)	0.26	0.22
Số người nghèo tăng lên (nghìn người)	240	202

% thay đổi chi tiêu bình quân đầu người

	PA1	PA2
Chung	-0.89	-0.32
<b>Phân chia theo thu nhập</b>		
Nghèo nhất	-0.77	-0.64
Gần nghèo	-0.82	-0.49
Trung bình	-0.85	-0.41
Cận giàu	-0.87	-0.33
Giàu nhất	-0.94	-0.21
<b>Phân chia theo địa bàn</b>		
Nông thôn	-0.85	-0.40
Thành thị	-0.93	-0.24

Nguồn: Ước lượng của tác giả từ VHLSS 2016

Nghiên cứu này không đồng tình với lập luận trên. Hình 3 cho thấy nhóm người nghèo nhất (trong ngũ phân vị) đã dành 57% chi tiêu cho nhóm hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất VAT 10%. Trong khi đó, nhóm người giàu nhất dành 12% chi tiêu cho nhóm hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất VAT 5% và hơn 8% chi tiêu cho nhóm hàng hóa – dịch vụ không thuộc diện chịu thuế. Nếu phân chia theo nông thôn và thành thị, người dân nông thôn dành 65% chi tiêu cho nhóm hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất VAT 10%, con số này với người dân thành thị là gần 76%. Con số với hàng hóa – dịch vụ chịu thuế suất VAT 5% và không chịu thuế lần lượt là 26% và 8% đối với người dân nông thôn. Các con số tương ứng với người dân thành thị là 16% và 7%.

Nghiên cứu cũng sử dụng bộ số liệu VHLSS 2016 để chỉ ra tác động của việc tăng thuế suất VAT theo Kịch bản 1. Tuy nhiên, phân tích này dựa trên giả định người tiêu dùng phải chịu hoàn toàn gánh nặng thuế và người tiêu dùng chưa thay đổi cơ cấu tiêu dùng của

mình mặc dù thuế đã tăng có thể làm thay đổi mức giá tương đối. Kết quả cho thấy tăng thuế suất theo phương án này đã làm giảm sức mua<sup>3</sup> của người tiêu dùng đi gần 0,9%. Theo ngũ vị phân về thu nhập, số liệu về giảm sức mua của người tiêu dùng không quá khác biệt giữa các nhóm thu nhập. Xét tác động đến nghèo đói, tỷ lệ nghèo chung tăng thêm 0,26 điểm phần trăm tương ứng với khoảng là 240 nghìn người đang ở ngưỡng cận nghèo sẽ rơi vào tình trạng nghèo đói. Các hộ gia đình có đặc điểm như đông người, có tỷ lệ trẻ em và người già từ 80 tuổi trở lên cao hơn, tỷ lệ lao động nữ lớn, chủ hộ có học vấn thấp và kỹ năng thấp, hộ làm việc trong nông nghiệp, sẽ dễ rơi vào nghèo đói khi tăng thuế suất hơn các nhóm hộ khác.

Ngoài việc ước tính tác động của tăng thuế theo Kịch bản 1, nghiên cứu cũng ước tính tác động của một phương án khác là thống nhất thuế suất VAT (Kịch bản 2). Thay vì duy trì hai mức thuế suất 5% và 10%, thuế của các hàng hóa – dịch vụ ở mức 5% sẽ được tăng lên mức 10% để tăng hiệu quả thu thuế và giảm gian lận thuế. Tăng thuế theo Kịch bản 2 làm giảm sức mua của người tiêu dùng đi hơn 0,3%, bằng 1/3 tác động của Kịch bản 1. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo tăng thêm của Kịch bản 2 cũng cao gần bằng với Kịch bản 1 (0,22 điểm phần trăm) và có 202 nghìn người sẽ chuyển từ mức cận nghèo sang mức nghèo đói. Vì tăng thuế suất theo Kịch bản 2 là tăng thuế suất của các hàng hóa - dịch vụ cơ bản lên 5% (từ mức thuế suất 5% lên mức thuế suất 10%). Thêm vào đó, khi phân chia theo các nhóm thu nhập, sức mua của nhóm người nghèo nhất giảm đi 0,6% trong khi sức mua của người giàu nhất giảm đi 0,2%. Như vậy, nhóm người nghèo nhất bị tác động lớn gấp 3 lần so với nhóm người giàu nhất nếu tăng thuế theo Kịch bản 2.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận khi sử dụng bộ số liệu của VHLSS có một hạn chế là không thể nhìn thấy hết được tác động của sự dịch chuyển hành vi tiêu dùng và sản xuất trong nền kinh tế khi tăng thuế. Điều này rất quan trọng khi đánh giá tác động của sự thay đổi thuế suất thuế VAT trong dài hạn. Do đó, nghiên cứu cũng sử dụng thêm mô hình cân bằng tổng thể (CGE) kết hợp với Ma trận Kết toán xã hội (SAM 2011). Mô hình CGE cho phép đánh giá tác động của tăng thuế VAT trong trường hợp hành vi tiêu dùng và sản xuất sẽ thay đổi khi nền kinh tế chịu mức thuế VAT cao hơn. Với mô hình CGE, nhiều kịch bản tăng thuế đã được mô phỏng và đưa ra được các ước tính rất đáng chú ý như sau:

---

<sup>3</sup> Sức mua của người tiêu dùng không chỉ được hiểu là số tiền mà người tiêu dùng nắm giữ trong tay mà được hiểu là với số tiền ấy người tiêu dùng sẽ mua được bao nhiêu hàng hóa – dịch vụ. Có thể trước khi tăng thuế và sau khi tăng thuế, số tiền mà người tiêu dùng nắm giữ trong tay như nhau nhưng do giá cả tăng nên sau khi có thuế số lượng hàng hóa – dịch vụ mua được sẽ ít đi. Hoặc có thể hiểu ngược lại, để mua được số lượng hàng hóa – dịch vụ như cũ, người tiêu dùng phải bỏ ra nhiều tiền hơn.



## Tác động của các phương án tăng thuế đến nền kinh tế

### *Mô tả các phương án thay đổi thuế*

PA1	Tăng thuế suất thuế VAT 20% (5% lên 6%, 10% lên 12%).
PA2	Áp dụng thuế VAT thống nhất (Gấp đôi mức thuế VAT trên các sản phẩm nông nghiệp).
PA3	Kết hợp mô phỏng 1 và 2.
PA4	Tăng thuế VAT thêm 20% (giống S1) avới tính di động của dòng vốn.
PA5	Tăng thuế VAT thêm 20% (giống như S1); Dùng nguyên tắc đóng tài khóa thay thế với tiêu dùng và tiết kiệm của chính phủ có tỷ lệ cố định trên tổng thu ngân sách.
PA6	Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt để đạt được mức thu ngân sách giống S1; mức thuế VAT được giữ nguyên như giá trị cơ sở.
PA7	Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp để đạt được mức thu ngân sách giống S1; mức thuế VAT được giữ nguyên như giá trị cơ sở.

### *Kết quả các phương án thay đổi thuế*

Các chỉ số kinh tế vĩ mô	PA1	PA2	PA3	PA4	PA5	PA6	PA7
Sản lượng	0.05	0.06	0.12	0.10	-0.13	-0.05	0.08
GDP thực tế	-0.01	0.03	0.02	0.00	-0.05	-0.05	0.00
Thu ngân sách	4.87	2.07	7.24	4.82	4.54	4.87	4.87
Chi thường xuyên					6.97		
Chi tiêu hộ gia đình	-0.94	-1.00	-2.11	-1.01	-0.96	-0.81	-0.89
Thu nhập hộ gia đình	-0.95	-1.02	-2.13	-1.02	-0.96	-0.88	-0.91
Đầu tư	1.70	1.77	3.76	1.73	0.54	1.63	1.61

*Nguồn:* Ước lượng của tác giả từ VHLSS 2016

Dưới góc độ vĩ mô, với đề xuất tăng thuế lên 1,2 lần của Bộ Tài chính (Kịch bản 1), thu ngân sách nhà nước sẽ tăng thêm 4,9%. Nếu Chính phủ dùng tiền thuế tăng thêm để đầu tư phát triển sẽ làm tổng đầu tư toàn xã hội tăng thêm 1,7%. Tuy nhiên, tổng thu nhập và tổng

chi tiêu của hộ gia đình sẽ giảm bớt đi hơn 0,9% (giống như kết quả với mô hình sử dụng số liệu VHLSS). Do đó, sản lượng thực của nền kinh tế không tăng lên.

Với phương án tăng thuế suất các mặt hàng chịu thuế 5% lên 10% để thống nhất thuế suất VAT (Kịch bản 2), thu ngân sách nhà nước sẽ tăng thêm 2% (thấp hơn Kịch bản 1). Nếu Chính phủ dùng tiền này để đầu tư phát triển sẽ làm tổng đầu tư toàn xã hội tăng thêm gần 1,8%. Tuy nhiên, tổng thu nhập và tổng chi tiêu của hộ gia đình sẽ giảm bớt đi 1%. Do đó, sản lượng của nền kinh tế không tăng giống như Kịch bản 1.

Nếu tăng thuế theo Kịch bản 1 nhưng chính phủ lại dùng tiền này để chi thường xuyên nhiều như hiện nay thay vì giành toàn bộ số thu tăng thêm cho đầu tư như hai kịch bản trên, thu ngân sách nhà nước sẽ tăng thêm 4,5% nhưng chi thường xuyên sẽ tăng thêm gần 7%. Tổng đầu tư toàn xã hội chỉ tăng thêm 0,5%. Tổng thu nhập và tổng chi tiêu của hộ gia đình sẽ giảm bớt đi hơn 0,9% (giống như kết quả của Kịch bản 1). Do đó, sản lượng thực của nền kinh tế bị giảm bớt đi 0,13%.

Ngoài các kịch bản tăng thuế VAT, nghiên cứu cũng dùng mô hình CGE để mô phỏng hai kịch bản tăng hai loại thuế khác (thuế TNDN và thuế tiêu thụ đặc biệt). Theo hai mô phỏng này, để đạt được mức tăng thu ngân sách như Kịch bản 1, thuế suất của thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ phải tăng thêm gấp đôi còn thuế TNDN sẽ phải tăng thêm 18% so với mức hiện nay. Nếu tiền tăng thuế này được ưu tiên dành cho đầu tư phát triển, sẽ làm tổng đầu tư của xã hội tăng thêm 1,6%. Nhưng tổng thu nhập và tiêu dùng của hộ gia đình lại bị giảm bớt đi khoảng 0,9%. Do đó, sản lượng của nền kinh tế cũng không được cải thiện (giống như Kịch bản 1).

Nghiên cứu cũng dùng kết quả của mô hình CGE để đánh giá phúc lợi của hộ gia đình khi tăng thuế theo Kịch bản 1 và Kịch bản 2. Trong cả hai kịch bản, tăng thuế suất VAT tác động tiêu cực lên phúc lợi của tất cả các hộ gia đình. Trong Kịch bản 1, sức mua của các hộ gia đình có thu nhập cao và thành thị có xu hướng bị ảnh hưởng nhiều hơn so với các hộ gia đình nông thôn và hộ nghèo. Nếu xét theo đặc điểm của hộ, các hộ có các đặc điểm sau đây sẽ bị ảnh hưởng mạnh hơn các hộ khác: hộ sống ở khu vực miền Nam, hộ có nhiều thành viên, hộ có trình độ học vấn thấp và hộ có nhiều thành viên trong độ tuổi lao động. Trong Kịch bản 2, phúc lợi của nhóm hộ nghèo và nhóm hộ có thu nhập thấp chịu ảnh hưởng lớn hơn nhiều các nhóm hộ khác.

Tóm lại, tăng thuế không làm tăng sản lượng thực của nền kinh tế và làm giảm phúc lợi của tất cả các hộ gia đình. Thậm chí, nếu tiền thuế tăng thêm lại được Chính phủ đưa vào chi thường xuyên mà không chi đầu tư phát triển sẽ làm cho sản lượng thực của nền kinh tế giảm. Do đó, nghiên cứu này không đồng tính với đề xuất tăng thuế của Bộ Tài chính đã đưa

ra. Bộ Tài chính có thể nghĩ đến các giải pháp như cải thiện hiệu quả hành thu thuế nhằm giảm gian lận thuế để làm tăng nguồn thu.

Trong trường hợp Chính phủ vẫn cần phải tăng thuế để bù đắp cho thâm hụt và giảm nợ công, Chính phủ nên ưu tiên cải cách hướng tới tăng cường các loại thuế trực thu, trong đó không loại trừ các loại thuế tài sản. Vì hiện nay, tỷ trọng của loại thuế này trong tổng số thu thuế còn quá khiêm tốn. Thêm vào đó, tỷ trọng thuế tiêu dùng trong tổng số thu thuế đã ở mức trên 60%, tăng thêm suất bất cứ một loại thuế tiêu dùng nào cũng sẽ làm tăng gánh nặng thuế của nhóm người có thu nhập thấp (tính lũy thoái của thuế gián thu). Các nước có hệ thống thuế chưa phát triển thường ưu tiên các loại thuế tiêu dùng vì chúng dễ thực hiện hơn về mặt hành thu và ít gây cảm giác “đau đớn” cho người nộp thuế.

Một điểm đáng lưu tâm hơn, các đề xuất tăng thuế gần đây luôn bị công luận phản đối mạnh mẽ. Điều này có thể bắt nguồn từ sự hoài nghi về hiệu quả trong hoạt động ngân sách của nhà nước. Do đó, trước khi tăng thuế Chính phủ cần thuyết phục được người dân về hiệu quả của việc hành thu và tính hợp lý của các khoản chi ngân sách. Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thu chi ngân sách cần phải được nâng cao hơn và theo kịp với chuẩn mực quốc tế trước khi đưa ra các đề xuất tăng thuế.

## Tài liệu tham khảo:

Bộ tài chính (2022). *Bản tin Nợ công*. Truy cập tại [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages\\_r/1/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM241517](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/1/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM241517). Truy cập ngày 15/11/2022.

IMF (2022). *Government Finance Statistics (GFS)*. Truy cập tại <https://data.imf.org/?sk=FA66D646-6438-4A65-85E5-C6C4116C4416>. Truy cập ngày 15/11/2022.

IMF (2022). *World Economic Outlook Report October 2022*. Truy cập tại <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2022/10/11/world-economic-outlook-october-2022>. Truy cập ngày 15/11/2022.

Thư viện pháp luật (2022). *Nghị định 92/2021/NĐ-CP*. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-92-2021-ND-CP-huong-dan-Nghi-quyet-406-NQ-UBTVQH15-ho-tro-doanh-nghiep-do-Covid19-492584.aspx>. Truy cập ngày 15/11/2022.

Thư viện pháp luật (2022). *Nghị quyết số 43/2022/QH15*. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-43-2022-QH15-chinh-sach-tai-khoa-tien-te-phuc-hoi-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-500776.aspx>. Truy cập ngày 15/11/2022.

Thư viện pháp luật (2022). *Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp*. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Van-ban-hop-nhat-14-VBHN-VPOH-2020-Luat-Thue-thu-nhap-doanh-nghiep-457565.aspx>. Truy cập ngày 15/11/2022.

World Bank (2022). *World Development Indicators*. Truy cập tại <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>. Truy cập ngày 15/11/2022.



**Liên minh Công bằng thuế Việt Nam (VATJ)** được thành lập năm 2018. Liên minh bao gồm nhiều thành viên, là các cơ quan, tổ chức và cá nhân hoạt động tích cực trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là chủ đề thuế. Mục tiêu của Liên minh là chia sẻ tầm nhìn vì một Việt Nam phát triển bền vững thông qua các chính sách thuế đảm bảo tính công bằng. Liên minh Công bằng thuế Việt Nam được điều phối bởi Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS). Các nghiên cứu đã thực hiện:

- Phân tích cấu trúc, xu hướng và gánh nặng thuế tại Việt Nam: Hướng tới một hệ thống thuế công bằng
- Hướng tới một ASEAN phát triển bền vững: Cải thiện môi trường đầu tư là chìa khoá để thu hút FDI, không phải cạnh tranh ưu đãi thuế và đất đai
- Hướng tới chính sách thuế bền vững trong khu vực ASEAN: Trường hợp ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chi tiêu thuế ở Việt Nam: Trường hợp Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Trốn và tránh thuế ở Việt Nam: Trường hợp Thuế thu nhập doanh nghiệp FDI tại Việt Nam
- Báo cáo cải thiện khung pháp lý về tránh thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam – Bao gồm trường hợp Conocophillips – Parengo
- Đánh giá các chính sách ưu đãi thuế trong dự thảo luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc (Luật đặc khu)
- Khả năng áp dụng và tác động của Thuế tài sản ở Việt Nam
- Đánh giá tác động của việc tăng Thuế giá trị gia tăng lên tổng thể nền kinh tế và phúc lợi hộ gia đình
- Báo cáo đánh giá mức độ công bằng thuế tại Việt Nam 2017

## LIÊN HỆ

### **Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS)**

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Kim khí Thăng Long  
Số 1 Lương Yên, Bạch Đằng,  
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: 097.560.8677

Email: [info@vess.org.vn](mailto:info@vess.org.vn)

Website: [www.vess.org.vn](http://www.vess.org.vn)

Bản quyền © VESS 2020 - 2022